

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 286/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Nga
- Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 881/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 504/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nguyên Thanh P, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số B đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thắm E, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Nguyên Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E do quen biết, tìm hiểu nhau nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào tháng 03/2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyền số 01, ngày

20/6/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số B, đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 9/2007 thì phát sinh mâu thuẫn do bà Lê Thị Thắm E có tình cảm với người đàn ông khác; thường xuyên ăn chơi, không chăm lo cho gia đình; bất đồng quan điểm sống do trên lệch tuổi tác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến cuối năm 2008, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E; bản thân ông Nguyễn Nguyên Thanh P có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng bà Lê Thị Thắm E không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Nguyên Thanh P yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thắm E.

Về con chung: Ông Nguyễn Nguyên Thanh P xác định ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn.

Bà Lê Thị Thắm E vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Nguyên Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bà Lê Thị Thắm E vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nguyên Thanh P. Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Nguyên Thanh P được ly hôn với bà Lê Thị Thắm E. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Thắm E, bà Lê Thị Thắm E có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An

Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 23/9/2024, bà Lê Thị Thắm E có cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nhưng đã bỏ địa phương đi, không xác định được nơi cư trú hiện tại và thời gian trở về do bà Lê Thị Thắm E không có trình báo chính quyền địa phương. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của bà Lê Thị Thắm E tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Ông Nguyễn Nguyên Thanh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với bà Lê Thị Thắm E là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, bà Lê Thị Thắm E (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với bà Lê Thị Thắm E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Nguyên Thanh P đề nghị xét xử vắng mặt; bà Lê Thị Thắm E đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thắm E của ông Nguyễn Nguyên Thanh P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Nguyên Thanh P cho rằng, ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 9/2007 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do bà Lê Thị Thắm E có tình cảm với người đàn ông khác; thường xuyên ăn chơi, không chăm lo cho gia đình; bất đồng quan điểm sống vì trên lệch tuổi tác. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ cuối năm 2008 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E; bản thân ông Nguyễn Nguyên Thanh P có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng bà Lê Thị Thắm E không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Nguyên Thanh P yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thắm E.

Bà Lê Thị Thắm E đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Nguyên Thanh P.

Xét thấy, ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E kết hôn trên

cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà Lê Thị Thắm E đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nguyên Thanh P theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E theo quy định của pháp luật nhưng bà Lê Thị Thắm E vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện bà Lê Thị Thắm E không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E nên lời trình bày của ông Nguyễn Nguyên Thanh P về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc ông Nguyễn Nguyên Thanh P yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Thắm E phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Ông Nguyễn Nguyên Thanh P xác định ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Nguyên Thanh P là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nguyên Thanh P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nguyên Thanh P được ly hôn bà Lê Thị Thắm E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01, ngày 20/6/2007 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Nguyên Thanh P và bà Lê Thị Thắm E không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn cho ông Nguyễn Nguyên Thanh P.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang